

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề

2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Công Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 165, Điểm g Khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét thấy:

Ngày 15/8/2006, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3743/QĐ-UBND trong đó có một phần liên quan đến việc giao cho Ủy ban nhân dân quận C phối hợp Sở Tài chính xem xét giải quyết bồi hoàn hoa màu, công gìn giữ đất và kiến trúc (nếu có) cho hộ ông Vũ Tuấn Thanh theo quy định pháp luật.

Ngày 30/7/2007, những người trong hộ ông Vũ Tuấn Thanh gồm các ông/bà Vũ Tuấn B, Phạm Thị Thanh L, Vũ Thị T, Vũ Thị Lệ T, Phạm Thị P, Vũ Bích L, Vũ Tuấn M ký giấy ưng thuận cho ông Vũ Tuấn B đứng ra liên hệ giao dịch với các cơ quan thẩm quyền để giải quyết thủ tục hồ sơ nhà đất số 4A đường I, phường B, quận C, Thành phố H, riêng bà Phạm Thị T không ký trong giấy này.

Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 15/8/2006 nêu

trên, ngày 20/12/2007, Ủy ban nhân dân quận C đã ban hành Quyết định số 5619/QĐ-UBND về việc hỗ trợ công giữ gìn đất và bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản, vật kiến trúc khác cho hộ ông Vũ Tuấn Thanh có ông Vũ Tuấn B đại diện các đồng thừa kế (sau đây viết tắt là Quyết định số 5619).

Không đồng ý với Quyết định số 5619, ông Vũ Tuấn B đại diện các đồng thừa kế của ông Vũ Tuấn Thanh và bà Phạm Thị Dung khiếu nại (trừ bà Phạm Thị T). Ngày 04/2/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 240/QĐ-UBND và ngày 15/2/2008 có Quyết định sửa đổi số 266/QĐ-UBND, bác khiếu nại của ông Bình và giữ nguyên Quyết định 5619. Ông Vũ Tuấn B khiếu nại tiếp đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ngày 31/3/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1278/QĐ-UBND, công nhận Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 15/2/2008, không công nhận khiếu nại của ông Bình. Ngày 15/4/2009, Ủy ban nhân dân Quận C đã công bố Quyết định số 1278 cho ông Bình và từ đó đến nay ông Bình không khởi kiện quyết định hành chính nào tại Tòa án.

Ngày 13/5/2019, ông H và bà T nộp đơn kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5619. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung thêm yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân quận C phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho ông H bà T với số tiền là 430.400.000đồng. Ông H bà T xác định không khởi kiện các Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 04/2/2008, Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 15/2/2008 và Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 31/3/2009, vì các quyết định này chỉ liên quan đến giải quyết khiếu nại của ông Bình mà không liên quan đến nội dung khiếu nại của ông H bà T và không tác động trực tiếp đến ông H bà T. Ông H bà T thừa nhận có gửi hai đơn khiếu nại đề ngày 12/3/2008 và ngày 14/9/2008 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C vào các ngày 21/3/2008 và 19/9/2009 nhưng không phải khiếu nại Quyết định số 5619, và các đơn khiếu nại này không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C cũng như các cơ quan có thẩm quyền nào khác giải quyết bằng bất cứ văn bản nào. Ông H bà T cho rằng việc khởi kiện hủy Quyết định số 5619 là còn thời hiệu, vì theo Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu phải được tính từ ngày ông H bà T nhận trực tiếp Quyết định số 5619 nhưng đến nay vẫn chưa được nhận, mà chỉ được biết quyết định này vào ngày 16/4/2019 khi tham gia tố tụng giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm tranh chấp thừa kế chia tiền bồi thường đang được Tòa án nhân dân quận C giải quyết.

Về phía người bị kiện cho rằng tại các biên bản ngày 04/1/2008, biên bản

ngày 23/10/2008, đơn phản đối và giải trình của ông H bà T ngày 14/7/2010, đều thể hiện việc ông H bà T đã nhận được Quyết định số 5619 và đang tiếp tục khiếu nại quyết định này. Ông H bà T đã thực hiện quyền khiếu nại Quyết định số 5619 theo các đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C vào các ngày 21/3/2008 và 19/9/2009 nhưng Ủy ban nhân dân quận C không giải quyết, vì trên cơ sở khiếu nại của ông Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C đã giải quyết theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 04/2/2008 và Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 04/2/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đã giải quyết theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 31/3/2009. Do đó, ngày 13/5/2019 ông H bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5619 là hết thời hiệu theo Điểm a Khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Vũ Tuấn B đại diện cho rằng việc ông H bà T khởi kiện hủy Quyết định 5619 là đã hết thời hiệu khởi kiện vì đơn phản đối và giải trình của ông H, bà T ngày 14/7/2010 có đề cập đến việc ông H bà T nhận được Quyết định 5619. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án vì yêu cầu khởi kiện của ông H bà T đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm có cơ sở xác định khiếu nại của ông Trần Đức H, bà Phạm Thị T và ông Vũ Tuấn B có nội dung khác nhau, cụ thể như sau:

Theo đơn khiếu nại của ông Bình đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết tại các Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 04/2/2008, Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 15/2/2008 và Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 31/3/2009, có nội dung ông Bình khiếu nại Quyết định số 5619 về việc tính bồi hoàn công gín giữ đất mà không tính bồi thường giá đất thuộc loại đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng.

Theo đơn khiếu nại đề ngày 12/3/2008 của ông H gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C nhận ngày 21/3/2008, có nội dung khiếu nại Quyết định số 5619 về việc đối tượng được bồi thường phải là vợ chồng ông H bà T mà không phải ông Vũ Tuấn B và 06 người em còn lại, về việc đến ngày 04/1/2008 mới được giao Quyết định số 5619 và việc tính bồi thường, hỗ trợ là không đúng.

Theo đơn khiếu nại đề ngày 14/9/2008 của ông H bà T gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C nhận ngày 19/9/2009, có nội dung ông H bà T khiếu nại

Quyết định số 5619 về đối tượng được bồi thường, thu hồi đất không bồi thường mà chỉ hỗ trợ, tính hỗ trợ các tài sản trên đất của ông H bà T là không đúng.

Theo Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011 như sau: *“Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực, người khiếu nại đã thực hiện việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01 tháng 6 năm 2006 đến ngày Luật này có hiệu lực, nếu khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật tổ tụng hành chính”*.

Như vậy, tính từ ngày hết thời hạn giải quyết các đơn khiếu nại của ông H bà T nêu trên theo quy định tại các Điều 34, 36, 39 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi, bổ sung năm 2005, các Điều 27, 28, 31 Luật khiếu nại năm 2011, mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C không giải quyết và không có văn bản trả lời nào cho ông H bà T, đến ngày 13/5/2019 ông H bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 5619 của Ủy ban nhân dân quận C là hết thời hiệu theo Điểm b Khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định như sau: *“3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau: ... b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại.”*

Do đó, ý kiến của ông H bà T cho rằng việc khởi kiện hủy Quyết định số 5619 vẫn còn thời hiệu theo Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là không phù hợp các quy định pháp luật nêu trên.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H, của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với những nhận định nêu trên;

Xét ông H và bà T có đơn đề nghị được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi là phù hợp quy định pháp luật tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 175/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, giữa:

### ***Người khởi kiện:***

- Ông Trần Đức H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 29, đường A, phường B, quận C, Thành phố H.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 691, đường I, phường B, quận C, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T:* Ông Trần Đức H, địa chỉ: Số 29, đường A, phường B, quận C, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 005889 ngày 26/8/2019).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Đức H:* Luật sư Phạm Văn V, Văn phòng luật sư Công dân và Cộng sự, Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số 35, Đường số 5, Khu dân cư D, phường E, quận G, Thành phố H.

***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố H

Địa chỉ: Số 70A, đường T, phường P, quận C, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Quốc B1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C, địa chỉ: 70A, đường T, phường P, quận C, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/UQ-UBND ngày 05/01/2021).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Lâm Quang T, Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng và bà Nguyễn Lê Thị Ngọc Phượng, Phó Chủ tịch UBND phường B, quận C, địa chỉ: 70A, đường T, phường P, quận C, Thành phố H.

### ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 21, đường I, phường B, quận C, Thành phố H.

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 4A, đường I, phường B, quận C, Thành phố H

- Bà Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 1510, đường K, Phường 7, Quận 8, Thành phố H.

- Bà Phạm Thị P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 112/1C, đường M, Phường 5, Quận 5, Thành phố H.

- Bà Vũ Bích L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 691, đường I, phường B, quận C, Thành phố H.

- Ông Vũ Tuấn B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 4A, đường I, phường B, quận C, Thành phố H.

- Ông Vũ Tuấn M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 691, đường I, phường B, quận C, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Thanh L, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị Lệ T, bà Phạm Thị P, ông Vũ Tuấn M, bà Vũ Bích L:* Ông Vũ Tuấn B, sinh năm 1968, địa chỉ: 4A (số mới 691), đường I, phường B, quận C, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 00022200 ngày 02/11/2020).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Vũ Tuấn B:* Luật sư Nguyễn Mạnh H, Công ty Luật TNHH A.B.C; địa chỉ: 7-9, Đường số 65, phường N, Quận 7, Thành phố H.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án này, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Đức H và bà Phạm Thị T được miễn nộp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Hải**